

Phụ lục
DANH MỤC CÂY TRỒNG

1. NHÓM CÂY LƯƠNG THỰC

STT	CÂY TRỒNG	MÃ ĐỊNH DANH CÂY TRỒNG
1	Khoai lang	KL0001
2	Lúa	LUA001
3	Ngô/Bắp	NGO001
4	Sắn/Khoai mỳ	SAN001

2. NHÓM CÂY ĂN QUẢ

STT	CÂY TRỒNG	MÃ ĐỊNH DANH CÂY TRỒNG
1	Chuối	CHUOI1
2	Đu đủ	DUDU01
3	Đu đủ xanh	DDX001
4	Dứa/Thơm	DUA002
5	Bơ	BO0001
6	Bòn bon	BONBON
7	Bưởi	BUOI01
8	Cam	CAM001
9	Chanh	CHANH1
10	Chanh leo	CL0001
11	Chôm Chôm	CC0001
12	Đào	DAO001
13	Dâu da	DAUDA1
14	Dâu tây	DAUTAY
15	Hồng	HONG01
16	Hồng xiêm	HX0001
17	Lê	LE0001
18	Mận	MAN001
19	Mãng cầu/Na	MC0001
20	Mãng cụt	MC0002
21	Mít	MIT001
22	Mơ	MO0001
23	Nhãn	NHAN01
24	Nho	NHO001
25	Ổi	OI0001
26	Quất/Tắc	QUAT01
27	Quýt	QUYT01

STT	CÂY TRỒNG	MÃ ĐỊNH DANH CÂY TRỒNG
28	Sầu riêng	SR0001
29	Táo	TAO001
30	Thanh Long	TL0001
31	Thanh Long ruột đỏ	TLRĐ01
32	Thanh Long ruột trắng	TLRT01
33	Thanh Long ruột tím hồng	TLRTH1
34	Thanh Long vỏ vàng, ruột trắng	TLVVRT
35	Vải	VAI001
36	Vú sữa	VUSUA1
37	Xoài	XOAI01
38	Dừa	DUA001
39	Dừa hấu	DUAHAU
40	Dừa lê	DUALE1
41	Dừa lưới	DL0001
42	Dừa bở	DUABO1

3. NHÓM CÂY CÔNG NGHIỆP

STT	CÂY TRỒNG	MÃ ĐỊNH DANH CÂY TRỒNG
1	Điều	DIEU01
2	Hồ tiêu	HOTIEU
3	Sacha Inchi	SI0001
4	Dâu tằm	DAUTAM
5	Bông	BONG01
6	Ca cao	CACAO1
7	Cà phê	CAPHE1
8	Cao su	CAOSU1
9	Chè/Trà	CHE001
10	Đậu tương	DT0001
11	Lạc	LAC001
12	Mía	MIA001
13	Thuốc lá	TL0002
14	Vùng	VUNG01
15	Tung dầu	TD0001
16	Mac ca	MACCA1

4. NHÓM CÂY RAU/ CÂY THỰC PHẨM

STT	CÂY TRỒNG	MÃ ĐỊNH DANH CÂY TRỒNG
1	Đậu xanh	DX0001
2	Khoai môn	KM0001
3	Khoai tây	KT0001
4	Đậu đỏ	DAUDO1
5	Đậu đen	DAUDEN

5. NHÓM CÂY DƯỢC LIỆU

STT	CÂY TRỒNG	MÃ ĐỊNH DANH CÂY TRỒNG
1	Đinh hương	DH0001
2	Sâm nữ hoàng (dương đề nhân)	SNH001
3	Cây Atiso	ATISO1
4	Cây Địa liền	CDL001
5	Ngải cứu	NC0001
6	Củ mài/ Hoài sơn	CUMAI1
7	Dừa cạn	DC0002
8	Bạc hà	BH0001
9	Dây thìa canh	DTC001
10	Cỏ ngọt	CN0003
11	Cà gai leo	CGL001
12	Sen	SEN001
13	Kim ngân hoa	KNH001
14	Sâm Nam núi Dành	SNND01
15	Cây Hương thảo	HT0003
16	Hoa hời	HOAHOI
17	Nghệ	NGHE01
18	Sả/Sả chanh	SA0001

6. NHÓM CÂY GIA VỊ

STT	CÂY TRỒNG	MÃ ĐỊNH DANH CÂY TRỒNG
1	Gừng	GUNG01
2	Ớt	OT0001
3	Tỏi	TOI001
4	Kiêu	KIEU01
5	Riềng	RIENG1
6	Hành tây	HT0001
7	Hành	HANH01
8	Hẹ	HE0001

9	Húng	HUNG01
10	Tía tô	TIATO1
11	Kinh giới	KG0001
12	Húng quế	HQ0001
13	Diếp cá/Giấp cá	DIEPCA
14	Cải chân vịt/ Tần ô	CCV001
15	Rau mùi/ Ngò rí	RAUMUI
16	Rau răm	RAURAM
17	Rau ngổ	RAUNGO
18	Thìa là/ Thì là	THIALA
19	Mùi tàu	MUITAU

7. NHÓM CÂY RAU

STT	CÂY TRỒNG	MÃ ĐỊNH DANH CÂY TRỒNG
1	Bí đao	BIDAO1
2	Bầu	BAU001
3	Bí Ngô/Bí đỏ	BINGO1
4	Cà chua	CACHUA
5	Cà rốt	CAROT1
6	Cà tím	CATIM1
7	Cải bắp	CAIBAP
8	Cải củ	CAICU1
9	Cải thảo	CT0001
10	Cải xanh	CX0001
11	Cần tây	CANTAY
12	Chi diếp/Lưỡi mác	CD0001
13	Chùm ngây	CN0001
14	Đậu Bắp	DAUBAP
15	Đậu các loại	DCL001
16	Đậu cô ve	DCV001
17	Đậu đũa	DAUDUA
18	Đậu Hà Lan	DHL001
19	Dưa chuột/Dưa leo	DC0001
20	Măng tây	MT0001
21	Mướp đắng	MD0001
22	Rau Dền	RAUDEN
23	Rau muống	RM0001
24	Su hào	SUHAO1
25	Súp lơ trắng	SLT001
26	Súp lơ xanh	SLX001

STT	CÂY TRỒNG	MÃ ĐỊNH DANH CÂY TRỒNG
27	Xà lách	XL0001
28	Bí ngòi	BINGOI
29	Củ nén/hành tằm	HT0002
30	Cà pháo	CAPHAO
31	Củ dền	CUDEN1
32	Su su	SUSU01
33	Đậu ngự	DAUNGU
34	Cải ngọt	CN0002
35	Cải thìa	CT0002
36	Mồng tơi	MT0003
37	Mướp hương	MH0001
38	Cải bẹ/ Cải Đông dư	CAIBE1
39	Cải ngồng	CN0004
40	Cải cúc	CAICUC
41	Cải mөр	CAIMO1
42	Đậu Cove/ Đậu trạch	DCV001
43	Bí xanh	BIXANH
44	Củ cải trắng	CCT001
45	Củ cải đỏ	CCD001
46	Măng tre	MT0002

8. NHÓM NĂM ĂN

STT	CÂY TRỒNG	MÃ ĐỊNH DANH CÂY TRỒNG
1	Nấm sò	NAMSO1
2	Nấm rơm	NAMROM
3	Nấm kim châm	NKC001
4	Nấm mỡ	NAMMO1
5	Nấm đùi gà	NDG001
6	Nấm hương/ Nấm Đông cô	NH0001
7	Mộc nhĩ/ Nấm mèo	MOCNHI

9. NHÓM CÂY LÂM NGHIỆP

STT	CÂY TRỒNG	MÃ ĐỊNH DANH CÂY TRỒNG
1	Bạch đàn	BD0001